



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2023

LỊCH THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023 - 2024
Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG - KHÓA 2023 (C1)

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	23C1-NNA	0211002579	1	20	Phát âm	2	08/01/2024	120	15H30	Vấn đáp	C2.1 - 02
2	23C1-NNA	0211002579	2	20	Phát âm	2	08/01/2024	120	15H30	Vấn đáp	C2.1 - 03
1	23C1-	0211001967	1	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	23C1-	0211001967	2	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
3	23C1-	0211001967	3	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	23C1-	0211001967	4	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	23C1-	0211001967	5	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	23C1-	0211001967	6	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	23C1-	0211001967	7	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
8	23C1-	0211001967	8	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
9	23C1-	0211001967	9	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
10	23C1-	0211001967	10	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
11	23C1-	0211001967	11	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
12	23C1-	0211001967	12	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
13	23C1-	0211001967	13	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
14	23C1-	0211001967	14	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
15	23C1-	0211001967	15	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
16	23C1-	0211001967	16	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
17	23C1-	0211001967	17	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
18	23C1-	0211001967	18	38	Giáo dục chính trị	3	09/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
1	23C1-ĐCN; CĐT; ĐĐT; TĐH; ĐTT	0211002029	1	38	Mạch điện	4	10/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	23C1-ĐCN; CĐT; ĐĐT; TĐH; ĐTT	0211002029	2	38	Mạch điện	4	10/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
3	23C1-ĐCN; CĐT; ĐĐT; TĐH; ĐTT	0211002029	3	38	Mạch điện	4	10/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	23C1-ĐCN; CĐT; ĐĐT; TĐH; ĐTT	0211002029	4	38	Mạch điện	4	10/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	23C1-ĐCN; CĐT; ĐĐT; TĐH; ĐTT	0211002029	5	38	Mạch điện	4	10/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	23C1-VSL; CNL; KML; LĐL	0211001969	1	36	Nhiệt động kỹ thuật	4	10/01/2024	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 01
7	23C1-VSL; CNL; KML; LĐL	0211001969	2	36	Nhiệt động kỹ thuật	4	10/01/2024	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 02
8	23C1-VSL; CNL; KML; LĐL	0211001969	3	36	Nhiệt động kỹ thuật	4	10/01/2024	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 03
9	23C1-ĐCN; ĐĐT	0211001286	1	38	An toàn điện	4	10/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
10	23C1-ĐCN; ĐĐT	0211001286	2	38	An toàn điện	4	10/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
11	23C1-ĐCN; ĐĐT	0211001286	3	38	An toàn điện	4	10/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
12	23C1-CNL; 23C1-VSL; LĐL; KML	0211000211	1	36	Truyền nhiệt	4	10/01/2024	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 04
13	23C1-CNL; 23C1-VSL; LĐL; KML	0211000211	2	36	Truyền nhiệt	4	10/01/2024	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 05
14	23C1-CNL; 23C1-VSL; LĐL; KML	0211000211	3	36	Truyền nhiệt	4	10/01/2024	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 01
15	23C1-QNH; QKS	0211002277	1	30	Tổng quan về du lịch	4	10/01/2024	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 02
16	23C1-QNH; QKS	0211002277	2	20	Tổng quan về du lịch	4	10/01/2024	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 03
17	23C1-KLB	0211002284		12	Tổng quan bếp bánh	4	10/01/2024	90	10H00	Tự luận	
1	23C1-CTM; CCK; CTK	0211000949	1	36	An toàn lao động	5	11/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	23C1-CTM; CCK; CTK	0211000949	2	36	An toàn lao động	5	11/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
3	23C1-CTM; CCK; CTK	0211000949	3	36	An toàn lao động	5	11/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	23C1-CTM; CCK; CTK	0211000949	4	36	An toàn lao động	5	11/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	23C1-CTM; CCK; CTK	0211000949	5	36	An toàn lao động	5	11/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	23C1-CĐT; TĐH	0211002137	1	32	An toàn lao động	5	11/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 01
7	23C1-CĐT; TĐH	0211002137	2	32	An toàn lao động	5	11/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 02
8	23C1-LGT	0211002461		34	Rủi ro bảo hiểm	5	11/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
9	23C1-KTD	0211002560		34	Tài chính - tiền tệ	5	11/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 04
10	23C1-QTD	0211002049		30	Tâm lý kinh doanh	5	11/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
11	23C1-TMĐ	0211002091		23	Tâm lý kinh doanh	5	11/01/2024	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 01
12	23C1-MTT	0211001321		5	Mỹ thuật trang phục	5	11/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
13	23C1-NTN	0211003284		15	Từ vựng học Tiếng Nhật	5	11/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
14	23C1-NHQ	0211003283		9	Âm vị tiếng Hàn	5	11/01/2024	60	13H00	Tự luận	
15	23C1-KXD	0211001820		15	An toàn lao động	5	11/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
16	23C1-CNÔ	0211000962	1	38	Động cơ đốt trong	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
17	23C1-CNÔ	0211000962	2	38	Động cơ đốt trong	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
18	23C1-CNÔ	0211000962	3	38	Động cơ đốt trong	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
19	23C1-CNÔ	0211000962	4	38	Động cơ đốt trong	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
20	23C1-CNÔ	0211000962	5	38	Động cơ đốt trong	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
21	23C1-CNÔ	0211000962	6	38	Động cơ đốt trong	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
22	23C1-CNÔ	0211000962	7	38	Động cơ đốt trong	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
23	23C1-CNÔ	0211000962	8	38	Động cơ đốt trong	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
24	23C1-CNÔ	0211000962	9	38	Động cơ đốt trong	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
25	23C1-CNÔ	0211000962	10	38	Động cơ đốt trong	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
26	23C1-CNÔ	0211000962	11	38	Động cơ đốt trong	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
27	23C1-CNÔ	0211000962	12	38	Động cơ đốt trong	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
28	23C1-MTT	0211001320		5	An toàn lao động	5	11/01/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	
Các môn thi phòng máy											
1	23C1-CMT	0211002916		29	Điện tử cơ bản	6	05/01/2024	60	09H30	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 02
1	23C1-LTM; TKĐ; ĐHĐ; TKW; QTM; THU; CMT	0211002028	1	30	Tin học	7	06/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 01
2	23C1-LTM; TKĐ; ĐHĐ; TKW; QTM; THU; CMT	0211002028	2	30	Tin học	7	06/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 02
3	23C1-LTM; TKĐ; ĐHĐ; TKW; QTM; THU; CMT	0211002028	3	30	Tin học	7	06/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 03
4	23C1-LTM; TKĐ; ĐHĐ; TKW; QTM; THU; CMT	0211002028	4	30	Tin học	7	06/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E3 - 01
5	23C1-LTM; TKĐ; ĐHĐ; TKW; QTM; THU; CMT	0211002028	5	30	Tin học	7	06/01/2024	90	10H00	Trên máy tính	E2.1 - 01

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
6	23C1-LTM; TKĐ; ĐHĐ; TKW; QTM; THU; CMT	0211002028	6	30	Tin học	7	06/01/2024	90	10H00	Trên máy tính	E2.1 - 02
7	23C1-LTM; TKĐ; ĐHĐ; TKW; QTM; THU; CMT	0211002028	7	30	Tin học	7	06/01/2024	90	10H00	Trên máy tính	E2.1 - 03

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCL